

Số: 01 /GCN-SXD

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 22/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm khoa học và Công nghệ Lạng Sơn; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 24/3/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn.

- Địa chỉ: Số 428, đường Hùng Vương, thôn Co Măn, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Mã số thuế: 4900827336.

- Điện thoại: 0205.3878.984 Fax: 0205.3878.984.

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm vật liệu xây dựng.

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 428, đường Hùng Vương, thôn Co Măn, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 36.002.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày 26/7/2029.

(Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận số 01/GCN-SXD ngày 26/7/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đo lường chất lượng sản phẩm tỉnh Lạng Sơn;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm GDCL và QHXD;
- Website Sở Xây dựng (VP đăng tải);
- Lưu: VT, QLXD. (NTĐ)

Hà Vũ Khôi

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 36.002**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 01/GCN-SXD ngày 25 tháng 3 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015
3	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3	Xác định khối lượng riêng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
4	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
5	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
6	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
7	Xác định cường độ và hệ cơ hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
8	Xác định độ nén đập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
9	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
10	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
11	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
III	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1	Xác định độ sụt của bê tông	TCVN 3106:2022
2	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
3	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
IV	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động, khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
5	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
6	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022
7	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
8	Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:2011
9	Xác định hàm lượng ion clo trong vữa	TCVN 3121-17:2022

V	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
1	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
VI	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ	
1	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017
2	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cách và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017
3	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
4	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
5	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017
VII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
4	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
5	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
VIII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
IX	THỬ NGHIỆM CÁT NGHIỀN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Xác định thành phần hạt	TCVN 9205:2012
2	Xác định hàm lượng sét	TCVN 9205:2012
3	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic trong cát nghiền	TCVN 9205:2012
4	Xác định hàm lượng ion CL-	TCVN 9205:2012
5	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75mm	TCVN 9205:2012
X	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO BÊ TÔNG	
1	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012
2	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)
3	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
4	Xác định tổng hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1998
5	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4560:1998
6	Xác định hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:1996
7	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG VÀ HIỆN TRƯỜNG	
1	Xác định khối lượng thể tích riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn bền dẻo, giới hạn chảy dẻo	TCVN 4197:2012

4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không hở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
9	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
10	Xác định môđun đàn hồi E chung của kết cấu bằng cân đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
11	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	ASTM D4429-92
XII	THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG	
1	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực	TCVN 7937-1:2013

Ghi chú: (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.